TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2021/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 13 tháng 7năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2021/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc B thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Quốc B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Mẫn N, sinh ngày 12/6/2012 (phù hợp với nguyện vọng của cháu Mẫn N được ghi nhận tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 05/7/2021), hiện cháu N đang sống chung với chị T và anh B; chị Trần Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng một tháng cấp dưỡng một lần.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc B thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc B thỏa thuận mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc B.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quốc B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Mẫn N, sinh ngày 12/6/2012 (phù hợp với nguyện vọng của cháu Mẫn N được ghi nhận tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 05/7/2021), hiện cháu N đang sống chung với chị T và anh B; chị Trần Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng một tháng cấp dưỡng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Quốc B thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quốc B và chị Trần Thị Ngọc T tự nguyện chịu nên mỗi người phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí các số 0007561, 0007562 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên anh, chị không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA) (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- UBND xã Thành An, số 25, ngày 02/4/2011 (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: HS, VP. (02b)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Nhớ